

Số: ~~2317~~ UBND-TH

Bình Định, ngày 10 tháng 6 năm 2016

V/v báo cáo về các dự án trồng rừng
ven biển trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và PTNT.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và PTNT tại Văn bản số 3390/BNN-TCLN ngày 28/4/2016 về việc trồng rừng ven biển, UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo như sau:

**I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI QUYẾT ĐỊNH SỐ 120/QĐ-TTg
NGÀY 22/01/2015 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

1. Kết quả thực hiện công tác trồng rừng ven biển đến tháng 5/2016

a) Trồng rừng ngập mặn

- Thuộc Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng: Từ năm 2012 đến nay không triển khai dự án trồng rừng ngập mặn theo nguồn vốn dự án bảo vệ và Phát triển rừng mà chỉ tiến hành chi trả tiền khoán bảo vệ 27,3ha rừng ngập mặn theo nguồn vốn tự chủ của đơn vị (Ban Quản lý khu sinh thái Cồn Chim - Đầm Thị Nại);

- Thuộc nguồn vốn Hỗ trợ ứng phó với biến đổi khí hậu (SP-RCC), Chương trình mục tiêu quốc gia về ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh đã trồng được 83 ha, trong đó:

+ Dự án nâng cao năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu ở thành phố Quy Nhơn do Quỹ Rockefeller tài trợ: 10ha;

+ Dự án Dịch vụ Hệ sinh thái tạo khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu ở thành phố Quy Nhơn do Quỹ Rockefeller tài trợ: 68ha;

+ Dự án lá chắn xanh tăng cường khả năng ứng phó của cộng đồng ven biển trước những tác động của thiên tai do Cơ quan phát triển quốc tế Mỹ (USAID) và Tổ chức CRS tài trợ trồng được 5,0 ha.

- Thuộc nguồn vốn củng cố, nâng cấp đê biển: Đến nay dự án đã triển khai thực hiện trồng rừng tập trung: 5,21 ha và trồng cây phân tán (trồng dọc theo bờ ao, bờ đìa) dài 29.525m tương đương 19,26ha.

b) Trồng rừng phục hồi sau khai thác titan

Tổng diện tích các công ty khai thác xong titan phải hoàn thổ và trồng rừng phục hồi môi trường là 722,46 ha. Đến nay, công tác trồng rừng ven biển sau khai thác titanium từ nguồn vốn doanh nghiệp, cá nhân là 498,55 ha. Diện tích còn lại do UBND tỉnh có chủ trương giao đất cho Công ty Cổ phần Thủy sản

Việt – Úc để làm vùng nuôi tôm công nghệ cao nên các công ty chưa thực hiện trồng rừng phục hồi sau khai thác titan sẽ nộp tiền vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh để tổ chức trồng rừng ở địa điểm khác theo quy định.

2. Những tồn tại, hạn chế

a) Việc sản xuất cây giống cung cấp cho công tác trồng rừng ngập mặn gặp nhiều khó khăn, sản xuất không đủ so với kế hoạch trồng rừng. Mặt khác nguồn cây giống trên thị trường cũng khan hiếm nên ảnh hưởng rất lớn đến kế hoạch trồng rừng ngập mặn;

b) Các công ty khai thác khoáng sản titan chưa thực hiện nghiêm túc việc hoàn thổ trồng lại rừng sau khi khai thác xong, một số doanh nghiệp chây ì nhiều năm liền không thực hiện việc hoàn thổ trồng lại rừng.

3. Kiến nghị đề xuất

a) Cần lồng ghép nội dung hỗ trợ sinh kế cho người dân trong quá trình thực hiện trồng rừng ngập mặn, trồng rừng trên cát nhằm tạo thêm thu nhập, đảm bảo cuộc sống của người dân ven rừng và giảm áp lực của việc khai thác thủy sản trên khu vực rừng trồng;

b) Đề nghị có chính sách ưu tiên đầu tư xây dựng, nâng cấp, sửa chữa hạ tầng phục vụ sản xuất lâm nghiệp (hệ thống đường lâm nghiệp, trạm trại cung cấp cây giống, phòng chống sâu bệnh); ưu tiên đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống đê ở các địa phương thường xuyên bị sạt lở, chịu nhiều thiệt hại do thiên tai gây ra hàng năm;

c) Đề nghị tăng cường kiểm tra, thanh tra công tác hoàn thổ và trồng rừng sau khai thác titan của các công ty khai thác khoáng sản nhằm chấn chỉnh và xử lý hành vi vi phạm về công tác hoàn thổ, trồng rừng phục hồi môi trường sau khai thác khoáng sản titan;

d) Tăng cường đào tạo nâng cao năng lực cán bộ cấp tỉnh, thành phố ven biển để chỉ đạo thực hiện đề án Bảo vệ và Phát triển rừng ven biển ứng phó với biến đổi khí hậu.

II. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC HẠNG MỤC TRỒNG, CHĂM SÓC BẢO VỆ RỪNG ĐẾN NĂM 2020

Dự kiến giai đoạn 2017 – 2020, các chương trình, dự án trồng 172,3 ha rừng ngập mặn, cụ thể:

1. Dự án chuyển tiếp từ năm 2016

Nguồn vốn củng cố, nâng cấp đê biển:

a) Năm 2017, trồng rừng ngập mặn là 7,3 ha; kinh phí thực hiện 4.670 triệu đồng (nguồn vốn ODA);

b) Năm 2018, chăm sóc rừng trồng: 7,3 ha, kinh phí thực hiện 300 triệu đồng (nguồn vốn ODA);

c) Năm 2019, 2020, khoán bảo vệ rừng là 7,3 ha, kinh phí thực hiện 370 triệu đồng (nguồn vốn NSNN).

2. Dự án dự kiến mở mới năm 2017

a) Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng: Trồng và chăm sóc rừng ngập mặn 15ha; kinh phí thực hiện 5.016 triệu đồng (nguồn vốn Ngân sách nhà nước);

b) Nguồn vốn Hỗ trợ ứng phó với biến đổi khí hậu (SP-RCC); Chương trình mục tiêu quốc gia về ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh: Trồng và chăm sóc rừng ngập mặn 150 ha, kinh phí thực hiện 50.160 triệu đồng (nguồn vốn Ngân sách nhà nước).

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm Văn bản này)

UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT. /.

Nơi nhận:

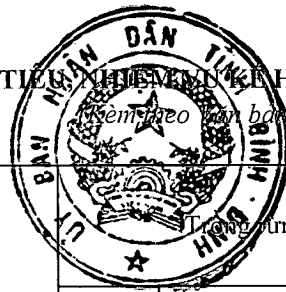
- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- CVP, PVP NN;
- Lưu: VT, K13 (11b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Châu

Phụ lục I
CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG VEN BIỂN ĐẾN NĂM 2020
(Kèm theo Văn bản số **2347**/UBND-TH ngày **10/6/2016** của UBND tỉnh Bình Định)



TT	Tên dự án	Số quyết định phê duyệt, ngày, tháng, năm ban hành*	Trồng rừng mới (ha)					Phục hồi rừng (ha)					Khoản bảo vệ rừng (ha)					Hạng mục khác	Ghi chú*
			Tổng	Rừng phòng hộ, đặc dụng			Rừng sản xuất kết hợp PH	Tổng	Rừng phòng hộ, đặc dụng			Rừng sản xuất kết hợp PH	Tổng	Rừng phòng hộ, đặc dụng			Rừng sản xuất kết hợp PH		
				Tổng	Ngập mặn	Chấn gió, chắn cát			Tổng	Ngập mặn	Chấn gió, chắn cát			Tổng	Ngập mặn	Chấn gió, chắn cát			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
I	Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng		15,0	15,0	15,0														
I	Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng ngập mặn tỉnh Bình Định	Dự kiến mở mới 2018	15,0	15,0	15,0														
	Năm 2017																		
	Năm 2018		5,0	5,0	5,0														
	Năm 2019		5,0	5,0	5,0														
	Năm 2020		5,0	5,0	5,0														
II	Nguồn vốn SP-RCC; Chương trình mục tiêu ứng phó với BĐKH và tăng trưởng xanh		150,0	150,0	150,0														
I	Dự án Trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng ngập mặn ven biển để ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Bình Định	Dự kiến mở mới 2018	150,0	150,0	150,0														
	Năm 2017																		
	Năm 2018		50,0	50,0	50,0														
	Năm 2019		50,0	50,0	50,0														
	Năm 2020		50,0	50,0	50,0														

TT	Tên dự án	Số quyết định phê duyệt, ngày, tháng, năm ban hành*	Trồng rừng mới (ha)					Phục hồi rừng (ha)										Hạng mục khác	Ghi chú*
			Tổng	Rừng phòng hộ, đặc dụng			Rừng sản xuất kết hợp PH	Tổng	Rừng phòng hộ, đặc dụng			Rừng sản xuất kết hợp PH	Tổng	Rừng phòng hộ, đặc dụng			Rừng sản xuất kết hợp PH		
				Tổng	Ngập mặn	Chắn gió, chắn cát			Tổng	Ngập mặn	Chắn gió, chắn cát			Tổng	Ngập mặn	Chắn gió, chắn cát			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
III	Nguồn vốn củng cố, nâng cấp đê biển		7,3	7,3	7,3										14,7				
I	Nâng cấp hệ thống đê và trồng rừng ngập mặn để ứng phó với biến đổi khí hậu vùng đầm Thị Nại	Số 787/ QĐ-UBND ngày 01/4/2013; Số 4252/QĐ-SNN, ngày 12/12/2013; Số 4065/QĐ-SNN, ngày 30/11/2015	7,3	7,3	7,3										14,7				
	Năm 2017			7,3	7,3														
	Năm 2018																		
	Năm 2019														7,3				
	Năm 2020														7,3				
	Tổng cộng (I+II+III)		172,3	172,3	172,3										14,7				

* Ghi chú: (Ở cột thứ 3) Đối với DA chuyển tiếp, ghi số, ngày tháng QĐ phê duyệt; Đối với DA mở mới ghi rõ dự kiến mở mới năm...

Phụ lục II
DỰ KIẾN KH VỐN THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG VEN BIỂN ĐẾN NĂM 2020
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2317/QĐ-UBND-TH ngày 10/6/2016 của UBND tỉnh Bình Định)



ST T	Tên dự án	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian KC- HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành*	Ước giải ngân đến 31/12/2016				Dự kiến KH vốn năm 2017				Dự kiến KH vốn năm 2018				Dự kiến KH vốn năm 2019				Dự kiến KH vốn năm 2020						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó					
							Tổng số	NSN	ODA		Tổng số	NS	NN		ODA	Tổng số	NSNN		ODA	Tổng số	NSNN		ODA	Tổng số	NSNN	ODA		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33
I	Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng					5.016	5.016	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.672	1.672	1.672	0	1.672	1.672	1.672	0	1.672	1.672	1.672	0
I	Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng ngập mặn tỉnh Bình Định	Các huyện Phù Mỹ, Phù Cát, Tuy Phước		2018-2020	Mở mới năm 2018	5.016	5.016	0		0				0			1.672	1.672	1.672		1.672	1.672	1.672		1.672	1.672	1.672	
II	Nguồn vốn SP-RCC; Chương trình mục tiêu ứng phó với BĐKH và tăng trưởng xanh					50.160	50.160	0	0	0	0	0	0	0	0	0	16.720	16.720	16.720	0	16.720	16.720	16.720	0	16.720	16.720	16.720	0
01	Dự án Trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng ngập mặn ven biển để ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Bình Định	Các huyện Phù Mỹ, Phù Cát, Tuy Phước và Tp Quy Nhơn		2018-2020	Mở mới năm 2018	50.160	50.160	0		0				0			16.720	16.720	16.720		16.720	16.720	16.720		16.720	16.720	16.720	
III	Nguồn vốn củng cố, nâng cấp đê biển					7.340	0	7.340	2.000	2.000	0	2.000	4.670	4.670	0	4.670	300	300	0	300	200	200	200	0	170	170	170	0
I	Nâng cấp hệ thống đê và trồng rừng ngập mặn để ứng phó với biến đổi khí hậu vùng đầm Thị Nại	Huyện Tuy Phước và Tp Quy Nhơn	24,59 ha rừng tập trung và 36,58 ha rừng cây phân tán	2013-2018	Số 787/ QĐ-UBND ngày 01/4/2013; Số 4252/QĐ-SNN, ngày 12/12/2013; Số 4065/QĐ-SNN, ngày 30/11/2015	7.340		7.340	2.000	2.000		2.000	4.670	4.670		4.670	300	300		300	200	200	200		170	170	170	
Tổng cộng (I+II+III)						62.516	55.176	7.340	2.000	2.000	0	2.000	4.670	4.670	0	4.670	18.692	18.692	18.392	300	18.592	18.592	18.592	0	18.562	18.562	18.562	0

* Ghi chú: (Ở cột thứ 6) Đối với DA chuyển tiếp, ghi số, ngày tháng QĐ phê duyệt; Đối với DA mở mới ghi rõ dự kiến mở mới năm...